

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2019/DS-ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2019
Tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 598/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH TMCP SGTT

Địa chỉ: 266 – 268 N, p, q, thành phố HCM.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T D – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B T, sinh năm 1992 – chức vụ:

Chuyên viên Phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh C (Có mặt).

Địa chỉ: Số 164A, N, p, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Bà Trần T H, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Ông Phạm V M, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trương mẫu giáo H (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2019, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị B T trình bày: Ngày 19/01/2018 bà Trần T H có ký hợp đồng tín dụng vay tiền tại NH TMCP SGTT – chi nhánh C với số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 0.75%/tháng (cho vay góp đều, lãi không giảm theo dư nợ). Mỗi tháng bà H phải thanh toán 2.833.000 đồng, riêng kỳ cuối phải thanh toán 2.849.000 đồng. Biện pháp bảo đảm: cho vay tín chấp có xác nhận, bảo lãnh của Trương mẫu giáo H và

Lãnh đạo Ban chấp hành Công đoàn Trường mẫu giáo H. Trong quá trình vay bà Trần T H đã trả được 10 kỳ với tổng số tiền phát sinh là 27.090.910 đồng. Trong đó vốn đã trả 19.993.000 đồng, lãi đã trả 7.097.910 đồng.

Ngày 20/11/2018 khoản vay đến hạn nhưng bà H không thanh toán. Tính đến ngày 25/7/2019, bà H còn nợ 80.007.000 đồng vốn, lãi trong hạn 6.407.801 đồng, lãi quá hạn 972.909 đồng, tổng cộng là 87.387.710 đồng. Do ông Phạm V M là chồng của bà H có ký tên vào giấy đề nghị vay vốn ngày 14/12/2017 nên NH yêu cầu Tòa án buộc ông M và bà H phải có trách nhiệm trả cho NH tổng số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng. Nếu bà H, ông M không trả nợ thì yêu cầu bên bảo lãnh là Trường mẫu giáo H phải thực hiện nghĩa vụ cam kết, bảo lãnh với NH.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2019, bị đơn ông Phạm V M trình bày: Ông và bà Trần T H kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh C. Đến khoảng tháng 12/2017, bà H đã tự bỏ nhà đi cho đến nay không về nhà, ông không liên hệ được. Hiện nay giữa ông và bà H vẫn còn mối quan hệ vợ chồng, chưa làm thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với khoản vay ngày 19/01/2018 tại NH TMCP SGTT thì ông không biết. Chữ ký, chữ viết “Phạm V M” trong giấy đề nghị vay vốn ngày 14/12/2017 không phải chữ ký, chữ viết của ông. Tuy nhiên, ông không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết do không có khả năng thanh toán chi phí giám định. Khoản nợ này ông hoàn toàn không biết nên không đồng ý chịu trách nhiệm cùng với bà H thanh toán nợ cho NH. Đây là khoản nợ riêng của bà H, yêu cầu bà H chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán nợ cho NH.

Tại bản tự khai 09/7/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Trường mẫu giáo H là bà Nguyễn T L trình bày: Vào ngày 19/01/2018 Trường mẫu giáo H có ký hồ sơ cho bà Trần T H là giáo viên của trường được vay vốn với số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi vay bà H thực hiện trả các khoản lãi đầy đủ cho NH TMCP SGTT, chi nhánh C. Từ tháng 8/2018 bà H không vào trường để công tác nhưng vẫn đóng lãi đầy đủ cho NH. Từ tháng 11/2018 cho đến nay thì bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho NH. Theo yêu cầu khởi kiện của NH nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu bên bảo lãnh là Trường mẫu giáo H phải thực hiện nghĩa vụ cam kết, bảo lãnh với NH thì Trường mẫu giáo H không đồng ý. Bởi lẽ, Nhà trường chỉ hỗ trợ và cung cấp những tài liệu hồ sơ liên quan để NH hoàn thành các thủ tục vay tiền của bà H chứ không có bảo lãnh cho bà H để vay tiền.

Trường mẫu giáo H đồng ý hỗ trợ NH TMCP SGTT, chi nhánh C về việc nhà trường sẽ tiếp tục liên hệ với bà Trần T H và cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan cho NH khi có yêu cầu.

Đối với bị đơn bà Trần T H: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Phạm V M cùng có trách nhiệm liên đới với bà H trả nợ vay cho NH và rút yêu cầu buộc Trường mẫu giáo H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Các phần khác theo đơn khởi kiện vẫn

giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Trần T H và ông Phạm V M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trường mẫu giáo H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông M cùng có trách nhiệm liên đới với bà H trả nợ vay cho NH và buộc Trường mẫu giáo H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. NH chỉ yêu cầu bà Trần T H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trần T H trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LD1800500220 ngày 19/01/2018, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Ngày 19/01/2018 bà Trần T H có ký hợp đồng tín dụng số LD1800500220 với NH TMCP SGTT – Chi nhánh C để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay là vay tiêu dùng. Kể từ khi vay tính đến ngày 20/11/2018 thì bà H trả được số tiền 27.090.910 đồng (trong đó, vốn đã trả là 19.993.000 đồng, lãi 7.097.910 đồng) thì đến nay ngưng không trả vốn và lãi nữa. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà H còn nợ với tổng số tiền 89.630.952 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 80.007.000 đồng, lãi trong hạn là 8.250.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.373.952 đồng). Căn cứ vào lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và căn cứ vào hợp đồng tín dụng số LD1800500220 ngày 19/01/2018 được ký giữa các bên là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nhưng do bị đơn là bà Trần T H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền vay vốn, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 89.630.952 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí, đã qua có dự nộp nên được nhận lại. Bà Trần T H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, 464, 465 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH TMCP SGTT. Buộc bà Trần T H trả cho NH TMCP SGTT số tiền tính đến ngày 16/9/2019 là 89.630.952 đồng (*Tám mươi chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn chín trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 80.007.000 đồng, lãi trong hạn là 8.250.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.373.952 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/9/2019, bà Trần T H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của NH cho vay quy định thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục thanh toán cho NH TMCP SGTT theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của NH cho vay.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Phạm V M cùng có trách nhiệm liên đới với bà H trả nợ vay cho NH và buộc Trường mẫu giáo H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- NH TMCP SGTT không phải chịu án phí. Ngày 20/6/2019 NH TMCP SGTT có dự nộp 2.140.000 đồng theo biên lai số 0000317 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại.

- Bà Trần T H phải chịu án phí là 4.481.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang

